

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK GLONG
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2019/HNGĐ-ST

Ngày 25-9-2019

“V/v tranh chấp về ly hôn, chia tài
sản khi ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK GLONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Vinh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Hữu Tỷ và ông Phạm Xuân Đức.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Duy Cường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk Glong.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Glong tham gia phiên tòa: Ông Trương Văn Nhẫn - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 09 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đăk Glong, tỉnh Đăk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 67/2018/TLST-HNGĐ ngày 18-7-2018, thụ lý bổ sung ngày 20-11-2018 và thụ lý yêu cầu độc lập ngày 02-4-2019 về “Ly hôn, chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 19 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05b/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 05 tháng 9 năm 2019 giữa:

1. *Nguyên đơn:* **Chị Triệu Thị P, sinh năm 1988**; địa chỉ: **Bon M**, xã Đ, huyện T, tỉnh Đăk Nông; có mặt.

2. *Bị đơn:* **Anh Vi Đức T, sinh năm 1985**; địa chỉ: **Thôn Đ**, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông; vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Vi Văn U và bà Nông Thị H; cùng địa chỉ: **Thôn Đ**, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông; vắng mặt.

- **Anh Triệu Sáng S**; địa chỉ: **Bon M**, xã Đ, huyện T, tỉnh Đăk Nông; vắng mặt.

- Chị Triệu Thị X; địa chỉ: **Thôn T**, xã Đ, huyện T, tỉnh Đăk Nông; vắng mặt.

- Anh Dương Trâm Q; địa chỉ: **Thôn Đ**, xã C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Triệu Thị P trình bày: Ngày 20-01-2015, chị Triệu Thị P và anh Vi Đức T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, hôn nhân tự nguyện, không ép buộc. Trong thời gian chung sống, anh chị thường xuyên mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không có con chung, không còn tình cảm; vợ chồng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và đã ly thân từ năm 2017, nên chị P yêu cầu: Về quan hệ hôn nhân: Xin được ly hôn với anh T; về tài sản chung và nợ chung: Chị P yêu cầu ông Vi Văn U, bà Nông Thị H (là bố mẹ chồng chị P) và anh Vi Đức T phải hoàn trả công sức đóng góp vào khối tài sản chung tính từ năm 2014 với số tiền là 150.000.000 đồng và có nghĩa vụ trả nợ chung cho anh Dương Trầm Q, bà Triệu Thị X và anh Triệu Sáng S số tiền là 235.000.000 đồng; ngày 04-6-2019, chị P rút đơn khởi kiện đối với yêu cầu hoàn trả công sức đóng góp đối với số tiền 150.000.000 đồng và yêu cầu phân chia nghĩa vụ trả nợ đối với số tiền 235.000.000 đồng.

Trong đơn yêu cầu độc lập, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, anh Triệu Sáng S trình bày: Ngày 08-12-2017, anh S có vay hộ cho ông Vi Văn U, bà Nông Thị H và anh Vi Đức T số tiền 172.250.000 đồng, anh S yêu cầu ông U, bà H và anh T phải trả cho anh số tiền 172.250.000 đồng để anh trả lại cho người khác. Ngày 04-6-2019, anh S có đơn xin rút yêu cầu độc lập.

Lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, chị Triệu Thị X trình bày: Năm 2017, chị X cho ông Vi Văn U vay 60.000.000 đồng với lãi suất 2,5%/tháng và thỏa thuận ngày 30-02-2018 phải trả 30.000.000 đồng; số tiền còn lại trả vào ngày 30-5-2018, đến hạn trả nợ nhưng ông U không trả nên chị yêu cầu ông U trả cho chị số tiền 60.000.000 đồng và tiền lãi theo thỏa thuận; Tòa án đã giải thích cho chị X được biết về yêu cầu của chị đối với ông U là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản, ông U không phải nguyên đơn hay bị đơn trong vụ án đang giải quyết nên chị phải khởi kiện bằng vụ án khác, sau đó chị X không yêu cầu gì.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến với các nội dung:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa của nguyên đơn là đúng, bị đơn chấp hành chưa đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị P được ly hôn với anh T; đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung và nợ

chung giữa chị P và anh T; đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu độc lập của anh Triệu Sáng S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp*: Chị Triệu Thị P yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề ly hôn và chia tài sản chung, nợ chung với anh Vi Đức T; chị P và anh T có đăng ký kết hôn hợp pháp nên quan hệ pháp luật là " *Tranh chấp về ly hôn, chia tài sản khi ly hôn*"; anh T cư trú tại thôn Đ, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Xét yêu cầu của nguyên đơn, chị Triệu Thị P, nhận thấy*:

Về quan hệ hôn nhân: Ngày 20-01-2015, chị Triệu Thị P và anh Vi Đức T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, hôn nhân tự nguyện, không ép buộc là có thật, do mâu thuẫn nên anh chị không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và đã sống ly thân từ năm 2017. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T đã nhận được thông báo, giấy triệu tập của Tòa án để tham gia giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị P, tuy nhiên anh T không tham gia, điều này thể hiện mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị P là có căn cứ, phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung: Do vợ chồng chị P và anh T sống chung cùng bố mẹ chồng, chị P yêu cầu Tòa án giải quyết về công sức đóng góp trong khối tài sản chung của gia đình anh T với số tiền là 150.000.000 đồng và chia khoản nợ chung của gia đình đã vay anh Triệu Sáng S, chị Triệu Thị X và anh Dương Trầm Q với số tiền là 235.000.000 đồng. Ngày 04-6-2019, chị P rút yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung; anh Triệu Sáng S rút yêu cầu độc lập đối với số tiền 172.500.000 đồng nên cần đình chỉ giải quyết theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Xét yêu cầu của chị Triệu Thị X về việc buộc ông Vi Văn U phải trả cho chị 60.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi (yêu cầu trong quá trình lấy lời khai), thấy rằng*: Ông Vi Văn U là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án nếu chị X khởi kiện thì giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[4] Đối với anh Dương Trầm Q là người chị P cho rằng vợ chồng chị có nợ chung trong tổng số tiền 235.000.000 đồng, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng anh Q

vắng mặt, không ghi nhận được ý kiến, đồng thời chị P đã rút yêu cầu chia nợ chung nên không xem xét.

[5] *Về án phí*: Nguyên đơn là chị Triệu Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, chị P xin miễn án phí, xét thấy: Chị Triệu Thị P là người đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và thuộc diện hộ nghèo nên việc miễn án phí là có căn cứ theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Triệu Thị P;

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị P được ly hôn anh Vi Đức T.

1.2 Về tài sản chung, nợ chung: Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia công sức đóng góp và nợ chung của chị Triệu Thị P; đương sự được quyền khởi kiện lại đối với yêu cầu này theo quy định của pháp luật.

1.3. Về yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Đình chỉ giải quyết yêu cầu độc lập của anh Triệu Sáng S; đương sự được quyền khởi kiện lại đối với yêu cầu này theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, **miễn án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình đối với chị Triệu Thị P**; hoàn trả cho chị Triệu Thị P 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0002204 ngày 18-7-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Glong;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã Q (để vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký và đóng dấu)

Võ Văn Vinh